

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 3676/GD-ĐT ngày 09 tháng 12 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế về thi, kiểm tra học phần, xét cấp chứng chỉ đại học đại cương, thi và công nhân tốt nghiệp cho hệ đại học, cao đẳng tại chức ở các trường đại học, cao đẳng. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học,

học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học

(ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học (VLVH), bao gồm: tổ chức đào tạo; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; xử lý vi phạm.
2. Quy chế này áp dụng đối với các khóa đào tạo theo hình thức VLVH trình độ đại học hoặc cao đẳng trong các đại học, học viện, trường đại học và trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là trường).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác.
2. Chương trình VLVH trình độ đại học hoặc cao đẳng được các trường xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy. Nội dung chương trình VLVH phải bảo đảm các yêu cầu về nội dung của chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết

cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45 - 60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình, sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Hiệu trưởng) quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần phù hợp với đặc điểm của trường mình.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Các trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học. Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian hoàn thành một chương trình theo hình thức VLVH phải dài hơn so với chương trình đó ở cùng trình độ hệ chính quy từ nửa năm đến một năm.

2. Căn cứ khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Đầu khoá học, trường phải thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của từng chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, thi, kiểm tra.

4. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo công khai lịch trình học của từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần, giáo trình, tài liệu có liên quan.

Đối với những lớp đào tạo theo hợp đồng đặt lớp tại cơ sở giáo dục địa phương là trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện tổ chức đào tạo cụ thể để quyết định lịch trình học cho phù hợp.

5. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại khoản 1 Điều này, cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép tạm ngừng học quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.

Điều 5. Đánh giá học phần

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm thi giữa học phần, điểm đánh giá phần thực hành, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần, với trọng số tương ứng của từng điểm bộ phận.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến phần nguyên thực hiện theo nguyên tắc: nếu có điểm lẻ dưới 0,5 thì quy tròn thành 0 ; có điểm lẻ từ 0,5 đến dưới 1,0 thì quy tròn thành 1,0.

3. Điểm học phần được phân loại như sau:

Loại đạt: điểm học phần từ 5 trở lên.

Loại không đạt: điểm học phần từ 4 trở xuống.

Điều 6. Đề thi kết thúc học phần

Đề thi kết thúc học phần được sử dụng trong ngân hàng đề thi chung của trường, khoa hoặc bộ môn.

Điều 7. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần.
2. Làm đầy đủ các bài thực hành, bài tập, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế đồ án.

Điều 8. Hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là: thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành. Hiệu trưởng căn cứ đặc điểm từng học phần để quy định hình thức thi thích hợp.
2. Việc chấm thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành phải do hai giảng viên trực tiếp thực hiện.
3. Điểm học phần của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm. Bảng điểm thi kết thúc học phần phải có đủ chữ ký của hai cán bộ chấm thi, trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa ký duyệt, được làm thành ba bản lưu giữ tại phòng đào tạo, văn phòng khoa, bộ môn và thông báo cho sinh viên.

Điều 9. Dự thi kết thúc học phần

1. Sinh viên có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do nhà trường quy định.
2. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0 ở lần thi thứ nhất (kỳ thi chính).
3. Sinh viên ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác được đề nghị hoãn thi. Nhà trường bố trí cho những sinh viên này dự thi vào lần thi tiếp theo. Điểm thi được tính là lần thi thứ nhất. Hiệu trưởng quy định điều kiện và thủ tục cho sinh viên xin hoãn thi.